TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2019/HN-ST
Ngày 28 tháng 6 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hùng Bích

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hường

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 118/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 95/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 11 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị R

+ Địa chỉ: Khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm M

+ Địa chỉ: Ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Lê Thị R trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm M qua mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2007, đến ngày 28/4/2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không hòa hợp. Mặc dù đã cố gắng hàn gắn để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không có kết quả. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn nên bà R yêu cầu ly hôn ông M.

Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phạm Gia Q, sinh ngày 01/3/2008 do ông M chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà R đồng ý cho con chung được sống với ông M sau khi ly hôn, bà không tranh chấp quyền được nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà R trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm M mặc dù đã được tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông M vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với các yêu cầu của bà Lê Thị R. Tại phiên tòa hôm nay ông M tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các văn bản tố tụng được tống đạt đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử thực hiện đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 203 BLTTDS 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị R đối với ông Phạm M.

- Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con chung, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Phiên tòa hôm nay mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông Phạm M vẫn vắng mặt không có lý do, bà Lê Thị R có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà R và ông M.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê Thị R và ông Phạm M qua mai mối tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 2010, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia

đình. Nguyên nhân ly hôn theo bà R trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, mặc dù bà đã cố gắng hàn gắn nhằm duy trì, níu kéo hạnh phúc gia đình nhưng vẫn không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà R yêu cầu ly hôn ông M.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an xã M, thành phố L ngày 17/5/2019 thể hiện: Ông Phạm M, sinh năm 1987 có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã M, thành phố L và hiện vẫn còn cư ngụ, sinh sống tại địa phương, và theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã M, thành phố L ngày 17/5/2019 thể hiện: Bà Lê Thị R và ông Phạm M từng cư ngụ, sinh sống tại nhà địa chỉ ấp B, xã M, thành phố L nhưng hiện nay bà R đã bỏ đi đâu địa phương không rõ. Về mâu thuẫn giữa bà R và ông M cụ thể như thế nào địa phương không nắm do ông bà không yêu cầu địa phương hòa giải và cũng không trình báo địa phương.

Ông bà có một con chung tên Phạm Gia Q, sinh ngày 01/3/2008 do ông M chăm sóc, nuôi dưỡng. Địa phương nhận thấy ông M chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt.

[4] Qua lời trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông M vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà R về tranh chấp ly hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung, không cung cấp, giao nộp chứng cứ và vắng mặt trong các buổi làm việc theo thông báo của Tòa án. Tại phiên tòa ông M tiếp tục vắng mặt không có lý do, bà R có đơn xin xét xử vắng mặt, cho thấy ông bà không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị R được ly hôn ông Phạm M, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phạm Gia Q, sinh ngày 01/3/2008, hiện do ông M chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà R không tranh chấp quyền được nuôi con. Xét thấy theo thông tin địa phương cung cấp, con chung hiện do ông M chăm sóc, nuôi dưỡng, địa phương nhận thấy ông M chăm sóc, nuôi dưỡng con tốt. Con chung cũng có nguyện vọng được sống với ông M nếu ba mẹ ly hôn.

Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung của ông M và bà R, Hội đồng xét xử cho ông M được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, ông M là người trực tiếp nuôi con không yêu cầu bà R cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông M phải tạo điều kiện cho bà R được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà R trình bày không có.

Ông M không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử chưa xem xét giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện vụ kiện khác.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị R phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3, Điều 228; khoản 4, Điều 147; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị R được ly hôn ông Phạm M.

2 Về con chung: Ông bà có một con chung tên Phạm Gia Q, sinh ngày 01/3/2008.

Ông M được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Bà R không phải cấp dưỡng nuôi con chung, do ông M không yêu cầu.

Ông M phải tạo điều kiện cho bà R được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3 Về án phí: Bà Lê Thị R phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004985, ngày 05/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà R đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- UBND xã M, TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa